

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 175/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hồng Thảo;

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 367/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trung T, sinh năm 1986;

Cư trú: Số 4/4A khóm A, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1999;

Cư trú: Số 4/4A khóm A, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Trung T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị L quen biết nhau là do mai mối. Sau đó tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, bà L có bầu rồi sinh con được mười mấy tháng thì bà L tự nhiên ôm con bỏ nhà đi, chặn mọi liên lạc. Ông T đi tìm về nhà vợ, đón được vợ con về nhà ông. Về được đến nhà chừng mấy tiếng đồng hồ thì bà L bỏ con lại cho ông T rồi lấy đồ đạc đi luôn, thời gian đó là vào đầu năm 2021. Từ đó, bà L chặn mọi liên lạc, ông T muốn gì thì gọi vào số máy của mẹ bà L, lâu lâu thì bà L mới về thăm con được khoảng một tiếng đồng hồ rồi bỏ đi nữa. Ông T đi tìm hiểu thì mẹ bà L và bà L bắt lỗi người trong gia đình chồng, không hợp ở chung, nên không muốn sống với ông T nữa. Theo ông T được biết thì hiện nay bà L đã có chồng khác và có con riêng với người đó rồi. Nay ông T yêu cầu được ly hôn bà L.

Về con chung: ông T và bà L có một con chung là cháu Lê Nguyễn Minh T1 sinh ngày 23 tháng 5 năm 2019. Từ lúc con được sinh ra đến nay đều do ông T và cha mẹ ông T chăm sóc, nên sau khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu T1 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L: Không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt và không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt và có đơn yêu cầu vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà L vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân và gia đình: ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn như ông T trình bày. Xét thấy, ông T và bà L không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: ông T và bà L có một con chung tên Lê Nguyễn Minh T1, sinh năm 2019 hiện đang do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận giao con chung cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn; ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn bà L là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L vẫn vắng mặt không lý do. ông Lê Trung T vắng mặt và co đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà L tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố X. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng ông T kiên quyết xin ly hôn vì ông cho rằng tính tình vợ chồng không hòa hợp, đã không còn chung sống. Bản thân ông T trình bày ông không biết lý do vợ để lại con cho ông nuôi rồi bỏ đi, thể hiện vợ chồng ông chưa thấu hiểu, tin tưởng nhau. Về phía bà L, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bà L vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện bà L không có nguyện vọng đoàn tụ. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của ông T và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: ông T xác định ông và bà L có một con chung là cháu Lê Nguyễn Minh T1 sinh ngày 23 tháng 5 năm 2019. Hiện nay cháu sống chung với ông T và ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Còn bà L thì không cung cấp ý kiến về vấn đề này. Xét thấy: cháu T1 đã hơn một năm nay không do bà L nuôi dưỡng, mà được ông T nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu T1, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con và bà L cũng không có ý kiến cấp dưỡng cho con. Vì vậy,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết còn bà L thì không có ý kiến về vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: ông T phải chịu án phí trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Lê Trung T được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Ông Lê Trung T và bà Nguyễn Thị L có 01 (một) con chung là cháu Lê Nguyễn Minh T1, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2019.

Ông Lê Trung T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Lê Nguyễn Minh T1. Ông Lê Trung T và thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nguyễn Minh T1.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng cho cháu Lê Nguyễn Minh T1.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Lê Trung T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001457 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. Mỹ Thới, X, An Giang;
- (GCNKH số 17 ngày 30-01-2018)
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Thảo

Nguyễn Tấn Hậu Nguyễn Thùy Giang